

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA LÀNG NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN – ĐỒNG THÁP

Đinh Công Thành¹, Phạm Lê Hồng Nhung¹ và Huỳnh Thanh Hùng²

ABSTRACT

The study aims to analyze business efficiency of the Dinh Yen sedge mat weave handicraft village in Dong Thap province. The findings show that the handicraft village bring much economic and social efficiency. The results of discriminant analysis indicate that nature of operation, number of labor, working capital, equity capital, and numbers of product are factors that discriminated income of handicraft households. Additionally, the outcomes of linear regression analysis show that number of labours, working capital, and nature of operation (hand or machine weaving) are important factors affect income of handicraft household. Finally, the study gives some suggestions in order to enhance efficiency of the Dinh Yen handicraft village.

Keywords: *sedge mat, handicraft village, efficiency of production and business*

Title: *Performance efficiency of the Dinh Yen sedge mat handicraft village in Dong Thap province*

TÓM TẮT

Mục tiêu chính của đề tài nhằm phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề dệt chiếu Định Yên – Đồng Tháp. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất ở làng nghề mang lại hiệu quả tài chính và cả về mặt xã hội cho tỉnh nhà. Kết quả phân tích phân biệt cho thấy tính chất hoạt động, số lao động của hộ, vốn lưu động, vốn cố định và số lượng mặt hàng là những yếu tố tạo nên sự khác biệt thu nhập của hộ. Đồng thời kết quả mô hình hồi quy cho thấy số lao động tham gia sản xuất, vốn lưu động và tính chất hoạt động (hộ dệt máy hay dệt tay) là 3 nhân tố chính ảnh hưởng đến thu nhập của hộ. Dựa vào kết quả nghiên cứu, đề tài đã trình bày một số giải pháp cơ bản cũng như nêu lên những kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho làng nghề trong thời gian tới.

Từ khóa: *làng nghề, dệt chiếu, hiệu quả sản xuất*

1 SỰ CẦN THIẾT NGHIÊN CỨU

Làng nghề dệt chiếu Định Yên là một trong những làng nghề nổi tiếng của tỉnh Đồng Tháp. Đây là một trong những làng nghề truyền thống có lịch sử hình thành hơn 100 năm, có thể nói sự phát triển của làng nghề đã trải qua rất nhiều giai đoạn khác nhau có lúc hưng thịnh, có lúc trầm lắng, song người dân nơi đây vẫn luôn gắn bó với nghề cha truyền con nối này. Hiện nay, toàn xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp có hơn phân nửa số hộ dân mưu sinh bằng nghề dệt và bán chiếu. Từ nghề dệt chiếu, ở Định Yên không chỉ phát sinh ra chợ bán chiếu mà còn có chợ bán lát, chợ bán trâu, bán cói trên sông rạch, để phục vụ nguyên – vật liệu cho làng nghề dệt chiếu truyền thống ở địa phương. Từ những đặc điểm trên cho ta thấy sự phát triển mạnh mẽ của làng nghề, mức độ quan trọng của làng nghề đối với cuộc sống của người dân trong xã và mức độ ảnh hưởng của làng nghề đối với

¹ Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ

² Sinh viên QTKD Khóa 33, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ

sự phát triển kinh tế – xã hội đến huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. Nghiên cứu về “Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề dệt chiếu Định Yên – Đồng Tháp” được hình thành nhằm giúp cho các hộ tham gia sản xuất ở làng nghề đánh giá một cách tổng quát về hoạt động sản xuất của họ. Ngoài ra, các cơ quan quản lý ở địa phương dựa vào kết quả nghiên cứu này để có căn cứ khoa học để đưa ra những chính sách phù hợp nhằm duy trì và đẩy mạnh phát triển làng nghề truyền thống của tỉnh nhà, giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm làm ra.

2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu thực trạng làng nghề dệt chiếu Định Yên trên địa bàn xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian được khảo sát từ tháng 01/2011 đến 06/2011.

2.2 Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề dệt chiếu tỉnh Đồng Tháp:

- Phân tích tổng quan tình hình hoạt động của làng nghề dệt chiếu Định Yên - Đồng Tháp.
- Phân tích những nhân tố ảnh hưởng hiệu quả sản xuất – kinh doanh của làng nghề.
- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho làng nghề của địa phương.

2.3 Phương pháp nghiên cứu

2.3.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Đề tài tiến hành điều tra trực tiếp 84 hộ có tham gia hoạt động làng nghề; phân tầng theo tính chất hoạt động của các hộ (gồm có nhóm hộ dệt chiếu bằng máy và nhóm hộ dệt chiếu bằng khung dệt tay), gồm có 50 hộ dệt tay và 34 hộ dệt máy. Những hộ này được chọn ngẫu nhiên tại địa bàn nghiên cứu thông qua danh sách các hộ tham gia làng nghề được cung cấp.

Dữ liệu thứ cấp được thu thập qua Internet, sách báo, tạp chí, niên giám thống kê, các báo cáo tổng kết của Ủy ban Nhân dân tỉnh; Sở Kế hoạch và đầu tư; Chi Cục Phát triển Nông thôn, Ủy ban Nhân dân huyện Lấp Vò, Ủy ban Nhân dân xã Định Yên.

2.3.2 Phương pháp phân tích số liệu

Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, tần số và kiểm định sự khác biệt về trị trung bình của 2 tổng thể độc lập (independent sample t-test) để phân tích thực trạng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề. Phương pháp phân tích phân biệt và mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của làng nghề.

- **Hàm phân tích phân biệt** (discriminant analysis) có dạng:

$$D = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_nX_n$$

Trong đó: D là điểm phân biệt; b_i : các hệ số hay trọng số phân biệt, được ước lượng để phân biệt sự khác nhau giữa nhóm hộ có doanh thu, thu nhập cao và nhóm hộ có doanh thu, thu nhập thấp dựa vào giá trị của hàm phân biệt. X_i : các biến độc lập ($i = \overline{1, n}$) ảnh hưởng đến sự khác biệt về doanh thu và thu nhập. Các biến độc lập là các yếu tố liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ làng nghề như: vốn, lao động, năm kinh nghiệm, tính chất hộ (chuyên – kiêm), số mặt hàng, tính chất hoạt động (dệt tay – dệt máy).

- **Mô hình hồi quy tuyến tính** (Regression Analysis) là ước lượng mức độ tương quan giữa các biến độc lập (biến giải thích) đến biến phụ thuộc (biến được giải thích).

Nếu mô hình chỉ xem xét sự tác động của một biến độc lập đến biến phụ thuộc thì mô hình được gọi là hồi quy tuyến tính đơn. Mô hình biểu diễn mối quan hệ giữa hai hay nhiều biến độc lập với biến phụ thuộc được gọi là hồi quy tuyến tính bội. Đề tài xem xét mức độ ảnh hưởng của các nhân tố: tính chất hộ, số mặt hàng, số lao động, vốn,... đến doanh thu và thu nhập của hộ làng nghề, nên mô hình hồi quy tuyến tính bội sẽ được sử dụng trong phần này. Mô hình có dạng như sau:

$$Y = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_nX_n$$

Trong đó: Y là thu nhập và doanh thu (biến phụ thuộc); b_i : các hệ số hay trọng số phân biệt (các tham số hồi quy);

X_i : các biến độc lập ($i = \overline{1, n}$) là các yếu tố liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ làng nghề như: vốn, lao động, năm kinh nghiệm, tính chất hộ (chuyên – kiêm), số mặt hàng, tính chất hoạt động (dệt tay – dệt máy).

3 TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÀNG NGHỀ ĐỊNH YÊN

Làng nghề dệt chiếu Định Yên nằm ở 4 ấp là ấp An Lợi A, ấp An Lợi B, ấp An Bình, ấp An Khương - xã Định Yên - huyện Lấp Vò - tỉnh Đồng Tháp. Hiện tại xã Định Yên có khoảng 1.527 hộ (chiếm hơn 34% tổng số hộ trong xã) hoạt động có liên quan đến nghề dệt chiếu. Làng nghề dệt chiếu Định Yên đã duy trì và tồn tại trên 100 năm, từ đời ông chuyên sang đời cha và duy trì cho đời con cháu hiện nay, đồng thời trong thời gian qua nghề dệt chiếu đã giải quyết được một lượng lao động nhân rồi, tăng thu nhập cho gia đình, góp phần rất lớn cho công tác xóa đói giảm nghèo tại địa phương. Nguyên liệu phục vụ cho làng nghề chủ yếu là lát, trôn, chỉ, phẩm màu. Từ năm 2003, làng nghề xã Định Yên được UBND tỉnh Đồng Tháp công nhận là làng nghề truyền thống.

Theo kết quả điều tra, trong số hộ tham gia hoạt động làng nghề thì có 44,0% hộ chuyên làm nghề và đây là nguồn thu thu nhập duy nhất của hộ (hộ chuyên), và 56,0% hộ vừa tham gia hoạt động nghề vừa làm thêm những hoạt động khác như tiền lương, trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán ... đây là những hộ tham gia hoạt động sản xuất sản phẩm làng nghề nhằm khai thác lao động nhân rồi để kiếm thêm thu nhập cho gia đình (hộ kiêm). Từ nghiên cứu cho thấy thu nhập bình quân của các hộ làng nghề năm 2011 là 54.176,87 ngàn đồng/hộ. Trong đó, thu nhập bình quân của hộ chuyên cao hơn hộ kiêm, cụ thể thu nhập bình quân của hộ chuyên là

75.567,43 ngàn đồng/hộ còn thu nhập bình quân của hộ kiêm là 37.337,49 ngàn đồng/hộ.

Làng nghề địa phương trong thời gian qua được sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp và chính quyền nhằm tăng thu nhập ổn định cho lao động. Bên cạnh đó, hiện nay làng dệt chiếu Định Yên đang gặp những khó khăn nhất định như nguồn nguyên liệu ở địa phương rất ít, phải mua từ các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu,... thiếu vốn đầu tư phát triển, tay nghề thợ thiết kế, tạo mẫu không được đào tạo chính quy, đầu ra sản phẩm không ổn định.

4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thông tin chung về hộ tham gia hoạt động sản xuất làng nghề

Phần lớn các hộ chọn tham gia nghề dệt chiếu vì làng nghề này mang tính chất truyền thống (92,9% số hộ). Mỗi hộ có số lao động trung bình là 3 người, với trình độ chủ yếu là tiểu học và trung học cơ sở (chiếm 83,54%). Thu nhập bình quân của lao động thuê là 804.118 đồng/tháng. Hầu hết các hộ làng nghề đều cho rằng sản phẩm làm ra đáp ứng được về chất lượng, mẫu mã và chủng loại; riêng về số lượng chỉ đáp ứng ở mức độ trung bình và thấp. Sản phẩm làm ra được tiêu thụ tại chỗ chiếm 97,6%, bán cho thương lái chiếm 86,9%. Tuy nhiên, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán. Các hộ tham gia làng nghề đều vướng phải một số khó khăn chung như: thiếu vốn, thiếu lao động, kỹ thuật công nghệ và thiết bị.

4.2 Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh

Nhìn chung các hộ tham gia hoạt động làng nghề đạt hiệu quả về mặt tài chính, cả lợi nhuận và thu nhập bình quân hộ đều dương. Với kết quả hoạt động tốt, làng nghề dệt chiếu Định Yên – Đồng Tháp đã tạo ra nguồn thu cho hộ tham gia làng nghề, đồng thời giải quyết được lao động nhà rỗi trong địa phương. Cả 2 nhóm hộ dệt tay và dệt máy cũng đều thu được lợi nhuận, tuy nhiên doanh thu, chi phí, lợi nhuận và thu nhập bình quân giữa hộ làng nghề dệt bằng tay và máy có sự khác nhau ở mức ý nghĩa thống kê 1%.

Bảng 1: Hiệu quả hoạt động sản xuất làng nghề

Đơn vị tính: 1.000 đồng/hộ/năm

Chỉ tiêu	Hộ dệt tay	Hộ dệt máy	Cả làng nghề	Giá trị p của kiểm định T
1. Doanh thu bình quân/hộ	82.878,14	322.046,59	179.684,42	0,000
2. Chi phí bình quân/hộ	81.058,82	246.447,09	148.001,69	0,000
3. Lợi nhuận bình quân/hộ	1.819,32	75.599,50	31.682,73	0,000
4. Thu nhập bình quân/hộ	17.736,12	107.766,21	54.176,87	0,000

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2011

Cụ thể, với hộ dệt máy có doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cao hơn so với hộ dệt tay. Mặc dù chi phí sản xuất bình quân hộ dệt máy cao hơn hộ dệt tay rất nhiều (gấp 3 lần), do hộ dệt máy cần nhiều nguyên liệu, điện, nước hơn hộ dệt tay để sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn, nhưng lợi nhuận và thu nhập bình quân cũng cao hơn so với hộ dệt tay. Ta thấy lợi nhuận trung bình các hộ dệt máy cao hơn 41 lần các hộ dệt tay. Lý do là các hộ máy sử dụng ít lao động hơn những hộ dệt tay, dệt

nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, bán giá cao và ổn định hơn. Qua phân tích các tỷ số tài chính cho thấy được với các hộ tham gia hoạt động làng nghề là hộ dệt máy thì hiệu quả hoạt động luôn cao hơn hộ làng nghề dệt tay. Các hộ làng nghề chỉ lấy công để mang lại thu nhập cho mình. Mức thu nhập này là chưa cao và chưa đạt hiệu quả. Đặc biệt là đối với hộ dệt tay, các chỉ số này rất thấp. Điều này cho thấy, việc ứng dụng máy móc vào quá trình sản xuất sản phẩm làng nghề là một trong những vấn đề mà địa phương cũng như những hộ làng nghề cần chú trọng.

4.3 Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh

4.3.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân biệt hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hộ làng nghề dệt chiếu

Mặc dù xét cả làng nghề đều có doanh thu và thu nhập cao, nhưng trong làng nghề vẫn có hộ có thu nhập và lợi nhuận cao (lớn hơn doanh thu và lợi nhuận bình quân), và hộ có thu nhập và lợi nhuận thấp (nhỏ hơn doanh thu và lợi nhuận bình quân). Kết quả phân tích phân biệt sẽ cho thấy rõ yếu tố tạo nên sự khác biệt về doanh thu và lợi nhuận của các hộ tham gia làng nghề dệt chiếu Định Yên.

Nếu xem xét một cách riêng biệt thì số năm kinh nghiệm, tính chất hộ (hộ chuyên hay hộ kiêm), số lượng mặt hàng sản xuất, số lao động phổ biến, vốn cố định, vốn lưu động và tính chất hoạt động (dệt máy hay dệt tay) đều có khả năng phân biệt một cách có ý nghĩa khác biệt giữa hộ có thu nhập, doanh thu cao và hộ có thu nhập, doanh thu thấp (giá trị sig. nhỏ hơn 5%).

Bảng 2: Kết quả phân tích phân biệt doanh thu và thu nhập

Yếu tố	Đơn vị tính	Doanh thu		Thu nhập	
		F	Sig.	F	Sig.
Số năm kinh nghiệm	Năm	6,416	0,013	12,146	0,001
Tính chất hộ	0-Hộ kiêm; 1-Hộ chuyên	5,430	0,022	5,256	0,024
Số lượng mặt hàng	Mặt hàng	6,263	0,014	4,697	0,033
Số lao động phổ biến	Người	18,481	0,000	10,261	0,002
Vốn cố định	1.000 đồng	146,483	0,000	113,112	0,000
Vốn lưu động	1.000 đồng	108,206	0,000	75,573	0,000
Tính chất hoạt động	0-Dệt tay; 1-Dệt máy	363,012	0,000	216,728	0,000
Eigenvalue		6,773		3,187	
% of Variance		100		100	
Canonical correlation		0,933		0,872	
Wilks' lambda		0,129		0,239	
Giá trị p		0,000		0,000	

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2011

Kết quả cho thấy giá trị Eigen của mô hình phân tích phân biệt doanh thu là 6,773 và chiếm đến 100% phương sai giải thích được nguyên nhân. Hệ số tương qua canonical là 0,933 cho thấy 87% của phương sai biến doanh thu được giải thích bởi mô hình. Và có sự phân biệt giữa hộ có doanh thu cao và doanh thu thấp có ý nghĩa thống kê ở mức 5% (p = 0,000). Tương tự cho mô hình phân biệt thu nhập,

76% phương sai của biến thu nhập được giải thích bởi mô hình, và sự phân biệt giữa hộ có thu nhập cao và thấp cũng có ý nghĩa thống kê ở mức 5% ($p = 0,000$).

Dựa vào hệ số chuẩn hóa của hàm phân tích phân biệt, có thể kết luận rằng tính chất hoạt động (hộ dệt máy – dệt tay) là biến dự đoán quan trọng nhất dùng để phân biệt nhóm hộ có doanh thu cao – thấp, và nhóm hộ có thu nhập cao – thấp, kể đến là yếu tố số lao động tham gia vào hoạt động sản xuất và vốn cố định. Kết quả cho thấy rõ hơn những hộ sử dụng khung dệt bằng tay sẽ có doanh thu và thu nhập thấp hơn hộ dệt bằng máy, số lao động tham gia trong hoạt động sản xuất càng nhiều, vốn cố định càng nhiều thì hộ đó sẽ có doanh thu và thu nhập cao hơn.

Bảng 3: Hệ số chuẩn hóa của hàm phân biệt doanh thu và thu nhập

Yếu tố	Doanh thu	Thu nhập
Số năm kinh nghiệm	0,061	0,215
Tính chất hộ	0,002	0,094
Số lượng mặt hàng	0,006	0,028
Số lao động phổ biến	0,650	0,322
Vốn cố định	0,118	0,313
Vốn lưu động	0,038	0,222
Tính chất hoạt động	1,044	0,872

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2011

4.3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu của các hộ làng nghề dệt chiếu

Dựa vào kết quả ước lượng mô hình hàm hồi quy, ta thấy có 4 biến có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến doanh thu là số lao động tham gia hoạt động sản xuất, vốn cố định, vốn lưu động và tính chất hoạt động.

Bảng 4: Hệ số ước lượng của các biến trong mô hình hàm doanh thu

Nhân tố	Hệ số b	Sai số chuẩn	Mức ý nghĩa P
Hằng số	-29.950,843 ^{ns}		0,138
Tính chất hộ (X_1)	8.212,340 ^{ns}	0,499	0,539
Số mặt hàng (X_2)	1.926,456 ^{ns}	0,649	0,842
Lao động (X_3)	36.370,310 ^{***}	1,104	0,000
Vốn cố định (X_4)	3,671 ^{***}	17.172,070	0,000
Vốn lưu động (X_5)	4,421 [*]	5.332,227	0,094
Tính chất hoạt động (X_6)	71.344,750 ^{***}	0,494	0,004
Hệ số xác định R^2	0,8712		
Giá trị kiểm định F (Sig F)	0,000^{***}	F = 86,829	

Nguồn: số liệu điều tra trực tiếp năm 2011

Ghi chú: ***: ý nghĩa ở mức 1%, **: ý nghĩa ở mức 5%, *: ý nghĩa ở mức 10%, ns: không có ý nghĩa

Hệ số xác định $R^2 = 0,8712$ cho biết 87,12% thay đổi của doanh thu sẽ được giải thích bởi các biến đưa vào mô hình như tính chất hộ, số mặt hàng, số lao động tham gia vào hoạt động sản xuất, vốn cố định, vốn lưu động và tính chất làng nghề. Còn lại 12,88% thay đổi của quy mô sản xuất sẽ được giải thích bởi các yếu tố khác không được nghiên cứu trong mô hình này.

Từ việc phân tích trên, ta có mô hình hồi quy:

$$Y = -29.950,843 + 8.212,340 X_1 + 1.926,456 X_2 + 36.370,310 X_3 + 3,671 X_4 + 4,421 X_5 + 71.344,750 X_6$$

Số lượng lao động tham gia sản xuất sẽ làm tăng doanh thu bình quân. Cụ thể khi số lượng lao động của hộ sản xuất tăng thêm 1 người thì doanh thu bình quân của hộ sẽ tăng 36.370,310 ngàn đồng/năm trong điều kiện các yếu tố tính chất hộ, số lượng mặt hàng, vốn cố định, vốn lưu động, tính chất hoạt động không thay đổi. Điều này phù hợp với kỳ vọng vì số lượng lao động nhiều hơn sẽ làm tăng quy mô sản xuất của hộ.

Vốn cố định của hộ sẽ làm tăng doanh thu bình quân của hộ. Cụ thể khi vốn cố định tăng thêm 1.000 đồng thì doanh thu bình quân của hộ sẽ tăng 3,671 ngàn đồng trong điều kiện các yếu tố tính chất hộ, số lượng mặt hàng, số lao động tham gia vào sản xuất, vốn lưu động, tính chất hoạt động không thay đổi. Điều này phù hợp với kỳ vọng vì vốn cố định tăng lên sẽ giúp các hộ làng nghề mua nhiều máy móc sản xuất ra nhiều hàng hóa hơn làm tăng doanh thu của làng nghề.

Vốn lưu động của hộ sẽ làm tăng doanh thu bình quân của hộ. Cụ thể khi vốn lưu động tăng thêm 1.000 đồng thì doanh thu bình quân của hộ sẽ tăng 4,421 ngàn đồng trong điều kiện các yếu tố tính chất hộ, số lượng mặt hàng, số lao động tham gia vào sản xuất, vốn cố định, tính chất làng nghề không thay đổi. Điều này phù hợp với kỳ vọng vì vốn lưu động tăng lên sẽ giúp các hộ làng nghề quay vòng việc sản xuất, mua nguyên liệu.

Những hộ trong làng nghề sản xuất chiếu bằng máy dệt thì có doanh thu bình quân cao hơn những hộ trong làng nghề sản xuất chiếu bằng khung dệt tay thô sơ. Cụ thể các hộ sản xuất chiếu bằng máy dệt thì có doanh thu bình quân cao hơn 71.344,750 ngàn đồng/năm so với những hộ sản xuất chiếu bằng khung dệt tay trong điều kiện các yếu tố tính chất hộ, số lượng mặt hàng, số lao động tham gia vào hoạt động sản xuất, vốn cố định, vốn lưu động không thay đổi.

4.3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ làng nghề dệt chiếu

Dựa vào kết quả ước lượng mô hình hàm hồi quy, ta thấy có 3 biến có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến thu nhập của hộ tham gia vào hoạt động sản xuất làng nghề là số lao động tham gia hoạt động sản xuất, vốn lưu động và tính chất hoạt động.

Bảng 5: Hệ số ước lượng của các biến trong mô hình hàm thu nhập

Nhân tố	Hệ số b	Sai số chuẩn	Mức ý nghĩa P
Hằng số	-38.144,524***		0,002
Tính chất hộ (X ₁)	5.917,093 ^{ns}	0,499	0,456
Số mặt hàng (X ₂)	-269,157 ^{ns}	0,649	0,963
Lao động (X ₃)	16.317,433***	1,104	0,000
Vốn cố định (X ₄)	-0,262 ^{ns}	17.172,070	0,649
Vốn lưu động (X ₅)	4,038**	5.332,227	0,011
Tính chất hoạt động (X ₆)	54.617,542***	0,494	0,000
Hệ số xác định R ²	0,7365		
Giá trị kiểm định F (Sig F)	0,000***	F = 35,868	

Nguồn: số liệu điều tra trực tiếp năm 2011

Ghi chú: ***: ý nghĩa ở mức 1%, **: ý nghĩa ở mức 5%, *: ý nghĩa ở mức 10%, ^{ns}: không có ý nghĩa

Ta có mô hình hồi quy:

$$Y = -38.144,524 + 5.917,093 X_1 - 269,157 X_2 + 16.317,433 X_3 - 0,262 X_4 + 4,038 X_5 + 54.617,542 X_6$$

Hệ số R^2 (R Square) = 0,7365 có nghĩa là các biến được đưa vào mô hình này có thể giải thích được 73,65% sự biến động của thu nhập (Y), còn 26,35% là do các yếu tố tác động khác không được nghiên cứu trong mô hình này.

Số lượng lao động tham gia vào hoạt động sản xuất sẽ làm tăng thu nhập bình quân. Cụ thể khi số lượng lao động của hộ sản xuất tăng thêm 1 người thì thu nhập bình quân của hộ sẽ tăng 16.317,433 ngàn đồng/năm trong điều kiện các yếu tố tính chất hộ, số lượng mặt hàng, vốn cố định, vốn lưu động, tính chất hoạt động không thay đổi. Điều này phù hợp với kỳ vọng vì số lượng lao động nhiều hơn sẽ làm tăng quy mô và thu nhập của hộ.

Vốn lưu động của hộ sẽ làm tăng thu nhập bình quân của hộ. Cụ thể khi vốn lưu động tăng thêm 1.000 đồng thì thu nhập bình quân của hộ sẽ tăng 4,038 ngàn đồng trong điều kiện các yếu tố tính chất hộ, số lượng mặt hàng, số lao động tham gia vào sản xuất, vốn cố định, tính chất hoạt động không thay đổi. Điều này là phù hợp với kỳ vọng vì vốn lưu động tăng lên sẽ giúp các hộ làng nghề quay vòng việc sản xuất nhằm tăng thu nhập cho hộ.

Những hộ trong làng nghề sản xuất chiếu bằng máy dệt thì có thu nhập bình quân cao hơn những hộ trong làng nghề sản xuất chiếu bằng khung dệt tay thô sơ. Cụ thể hộ sản xuất chiếu bằng máy dệt thì có thu nhập bình quân cao hơn 54.617,542 ngàn đồng/năm so với những hộ sản xuất chiếu bằng khung dệt tay trong điều kiện các yếu tố tính chất hộ, số lượng mặt hàng, số lao động tham gia vào hoạt động sản xuất, vốn cố định, vốn lưu động không thay đổi. Điều này là phù hợp với kỳ vọng vì hộ sản xuất chiếu bằng máy dệt sẽ có năng suất cao và hiệu quả, từ đó tạo ra thu nhập cao hơn hộ sản xuất chiếu bằng khung dệt tay.

4.4 Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất của làng nghề

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố như trang thiết bị máy móc, số lao động tham gia sản xuất, vốn là những yếu tố hướng đến hiệu quả hoạt động sản xuất của hộ. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động cho làng nghề chiếu Định Yên – Đồng Tháp cần chú ý một số vấn đề như:

Đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất: Vì qua phân tích cho thấy những hộ dệt bằng máy thì thu nhập và doanh thu cao hơn hộ dệt tay. Bên cạnh đó, công nghệ sản xuất của làng nghề lạc hậu chiếm hơn 60%, không còn đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất. Địa phương cần khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ làng nghề đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm làng nghề.

Từ phân tích trên cho thấy, lao động là nhân tố rất quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất làng nghề. Vì vậy, cần tăng cường đào tạo nghề, tập huấn nâng cao tay nghề và chuyên môn cho lao động làm nghề để có thể tiếp cận công nghệ mới, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Địa phương cần chọn đại diện hộ trong làng nghề đi tập huấn, tham quan, học tập kinh nghiệm từ làng nghề truyền thống khác ở các tỉnh lân cận để mở rộng kiến thức, từ đó ứng dụng những điều học tập được vào sản xuất kinh doanh của làng nghề.

Qua nghiên cứu cho thấy vốn, đặc biệt là vốn lưu động ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hộ. Hiện nay, có 52,38% số hộ nhu cầu vay vốn từ ngân hàng với lãi suất thấp nhưng vay không được. Nguyên nhân là do các hộ không có tài sản thế chấp, không được bảo lãnh, không được sự hỗ trợ của địa phương. Việc thiếu vốn dẫn đến các hộ làng nghề không có tiền mua máy móc, nguyên liệu, quay vòng việc sản xuất nên các hộ làng nghề phải kí hợp đồng trước với giá thấp hơn giá thị trường để lấy tiền mua nguyên liệu sản xuất. Địa phương cần tạo mọi điều kiện để các hộ tiếp cận được nguồn vốn với lãi suất thấp, thời hạn vay dài và số vốn vay phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của từng hộ.

Bên cạnh đó, trước mắt cần sự hỗ trợ và giúp đỡ của các ngành các cấp trong việc tạo cơ chế linh hoạt, thông thoáng giúp cho làng nghề chiếu Định Yên có điều kiện phát triển thuận lợi. Cần chủ động tìm kiếm và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đối với thị trường trong nước vừa chú trọng phát triển thị trường trong tỉnh vừa phát triển thị trường ở các tỉnh khác trong khu vực. Ngoài ra, cũng rất cần sự góp ý, tư vấn của các chuyên gia, trong việc quảng bá và nâng cao uy tín thương hiệu, mở rộng thị trường thông qua các chương trình xúc tiến thương mại.

5 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận

Làng nghề dệt chiếu Định Yên đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho người dân, đặc biệt là những lao động nghèo ít đất canh tác. Qua việc phân tích cho thấy làng nghề dệt chiếu Định Yên không những đạt được hiệu quả về mặt tài chính mà còn đạt hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động làng nghề cũng gặp không ít những khó khăn, tồn tại nhất định như thiếu vốn, gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ, thường xuyên bị người mua ép giá, trang thiết bị sản xuất lạc hậu, trình độ lao động tham gia làng nghề không cao. Vì vậy, việc bảo tồn, duy trì và phát triển làng nghề dệt chiếu trong thời gian tới là một vấn đề quan trọng và cấp bách không chỉ có giá trị về mặt kinh tế - xã hội mà còn có giá trị về mặt bảo tồn nét văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Muốn như thế, chính quyền địa phương cần hỗ trợ người dân một cách toàn diện và phù hợp.

5.2 Kiến nghị

Đối với hộ hoạt động làng nghề: Qua quá trình điều tra tại các hộ tham gia hoạt động làng nghề cho thấy, các hộ cần đẩy mạnh áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào sản xuất, đẩy mạnh việc nghiên cứu sản phẩm mới, tăng cường cải tiến mẫu mã, chất lượng, chủng loại. Đưa máy móc thiết bị vào từng khâu trong các công đoạn sản xuất, mở rộng các hình thức dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Kiến nghị đối với chính quyền địa phương: Hỗ trợ và bảo lãnh các hộ sản xuất làng nghề vay vốn khi có nhu cầu mua nguyên liệu, đầu tư trang thiết bị sản xuất. Quy hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề phải gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Cần có quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của làng nghề.

Kiến nghị Đối với các Cơ quan, Ban, ngành: Tăng cường hỗ trợ thông tin để quảng bá, giới thiệu sản phẩm làng nghề, cung cấp thông tin về tình hình giá cả thị trường và các vấn đề liên quan đến tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anthony E. Boardman, David H. Greenberg, Aidan R. Vining and David L. Weimer (2001). Cost – Benefit Analysis: Concepts and Practice. Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ 07458.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB thống kê.
- Mai Văn Nam, 2006. Kinh tế lượng (Econometrics), NXB Thống kê.
- Mai Văn Nam, 2008. Giáo trình Nguyên lý Thống kê kinh tế, NXB Văn hóa Thông tin.
- Mai Văn Nam, 2009. Giáo trình Quản trị dự án phát triển, NXB giáo dục Việt Nam.
- Mai Văn Nam, Đinh Công Thành, 2011. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề tỉnh Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học số 18a 298-306, Trường Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn Hữu Đăng, 2005. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển 19 làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn ĐBSCL, Chương trình hợp tác Tây Ban Nha - CTU.